

Số: 15 /TB-ĐHTĐ

Cần Thơ, ngày 01 tháng 02 năm 2020

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2020 – ĐỢT 1**

Trường Đại học Tây Đô thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2020 – đợt 1 như sau:

1. NGÀNH THI TUYỂN VÀ MÔN THI TUYỂN

TT	Tên ngành	Mã số	Môn thi		
			Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ
1	Quản trị kinh doanh	8340101	Kinh tế học	Quản trị học	Anh văn
2	Tài chính – Ngân hàng	8340201	Kinh tế học	Lý thuyết tài chính	Anh văn
3	Kế toán	8340301	Kinh tế học	Nguyên lý kế toán	Anh văn
4	Dược lý và dược lâm sàng	8720205	Hóa hữu cơ	Dược lý và dược lâm sàng	Anh văn

2. ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÀ KHU VỰC TUYỂN SINH

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:

2.1. Điều kiện dự thi đối với ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Kế toán:

2.1.1. Về văn bằng:

a) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định;

b) Đã tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với chuyên ngành đăng ký dự thi, đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ sau khi đã hoàn thành học phần bổ sung kiến thức theo quy định.

Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và học phần bổ sung kiến thức (Phụ lục I đính kèm).

c) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định hiện hành;

2.1.2. Về kinh nghiệm chuyên môn: Không yêu cầu về kinh nghiệm chuyên môn.

Đối với thí sinh đăng ký có bằng tốt nghiệp khác ngành đăng ký dự thi thì phải đảm bảo yêu cầu sau:

- Ngành Quản trị kinh doanh: thí sinh phải có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc.

- Ngành Kế toán: thí sinh phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn thuộc ngành Kế toán, kể từ khi tốt nghiệp đại học (tính từ ngày Hiệu trưởng ký công nhận tốt nghiệp đến ngày đăng ký dự thi).

2.2. Điều kiện dự thi đối với Ngành Dược lý và dược lâm sàng

2.2.1. Về văn bằng:

Người dự tuyển phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Có bằng Dược sĩ đại học của tất cả các hệ đào tạo trong và ngoài nước.

b) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

c) Ứng viên tốt nghiệp đại học được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp, nhưng phải có giấy xác nhận tạm thời còn thời hạn của cơ sở đào tạo cấp và sau đó phải nộp bổ sung văn bằng chính thức.

2.2.2. Về kinh nghiệm chuyên môn: Không yêu cầu về kinh nghiệm chuyên môn.

2.3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

2.4. Có đủ sức khỏe để học tập; đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học.

2.5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

2.6. Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Tây Đô.

3. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI NGOẠI NGỮ

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của cơ sở đào tạo thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh hoặc tương đương;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục II) trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận *(có quyết định cho phép cấp chứng nhận/chứng chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường hợp nộp chứng chỉ ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)*.

4. LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- **Loại hình đào tạo:** Chính quy.
- **Thời gian đào tạo:** 02 năm.

5. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

5.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

5.2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn thi cơ bản.

6. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỌC PHÍ:

- a) Giảm 20% học phí cho anh, chị, em, vợ/chồng cùng học tại trường;
- b) Đối với các chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Kế toán:
 - Giảm 10% học phí toàn khóa cho học viên là cựu sinh viên, học viên thạc sĩ của Trường;
 - Giảm 10 % học phí năm thứ nhất cho học viên là người thân của sinh viên, cựu sinh viên, học viên thạc sĩ của Trường;
- c) Chính sách học phí được công khai từ đầu khóa học.

7. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

- 7.1. Đơn xin dự tuyển (01 bản chính theo mẫu);
- 7.2. Bằng tốt nghiệp đại học (01 bản sao có chứng thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
- 7.3. Bảng điểm đại học sao y (01 bản sao có chứng thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);
- 7.4. Lý lịch cá nhân (01 bản chính theo mẫu, có đóng dấu giáp lai ảnh);
- 7.5. Biên nhận hồ sơ đã điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu (01 bản chính theo mẫu);
- 7.6. Giấy khám sức khỏe (01 bản chính của bệnh viện đa khoa quận, huyện trở lên, không quá 06 tháng);
- 7.7. Giấy khai sinh (01 bản sao có chứng thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);
- 7.8. Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước (01 bản sao có chứng thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
- 7.9. Phiếu dán ảnh (dán kèm 03 ảnh 3x4 mới nhất, không quá 06 tháng);
- 7.10. Phong bì có dán tem, ghi rõ địa chỉ của thí sinh (02 phong bì A6);

7.11. Chứng chỉ miễn thi ngoại ngữ, nếu có (01 bản sao có chứng thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);

7.12. Hồ sơ xác nhận ưu tiên, nếu có (01 bản sao có chứng thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);

7.13. Bảng điểm bổ sung kiến thức, nếu có đối với thí sinh dự thi chuyên ngành QTKD, TC-NH, Kế toán (01 bản sao có chứng thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);

7.14. Bằng tốt nghiệp đại học thứ hai, nếu có (01 bản sao có chứng thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);

7.15. Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở nước ngoài cấp (01 bản sao có chứng thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);

8. ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN, XÉT TUYỂN

8.1. Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi, kiểm tra (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

8.2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo và tổng điểm hai môn thi, kiểm tra của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

8.3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi, kiểm tra nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

b) Người có điểm cao hơn của môn thi cơ sở;

c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

9. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ, HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC, ÔN TẬP, THỜI GIAN DỰ KIẾN THI TUYỂN

- Thời gian nộp hồ sơ dự tuyển: từ ngày ra thông báo đến ngày **14/4/2020**.
- Thời gian học bổ sung kiến thức: Bắt đầu ngày **27/3/2020** (học vào tối thứ sáu, cả ngày thứ bảy và chủ nhật).
- Thời gian học ôn tập: Bắt đầu ngày **17/4/2020** (học vào tối thứ sáu, cả ngày thứ bảy và chủ nhật).
- Thời gian thi tuyển (dự kiến): Ngày **23-24/5/2020**

10. LỆ PHÍ ÔN TẬP, HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC

- a) Lệ phí dự thi: 360.000 đồng (Ba trăm sáu mươi ngàn đồng).
- b) Lệ phí ôn tập: 1.000.000 đồng/học phần (Một triệu đồng/học phần).
- c) Lệ phí học bổ sung kiến thức: 1.000.000 đồng/học phần (Một triệu đồng/học phần).
- d) Lệ phí quản lý và xét duyệt hồ sơ dự thi: 50.000 đồng/hồ sơ (Năm mươi ngàn đồng)
- e) Lệ phí hồ sơ dự thi: 10.000 đồng/bộ (Mười ngàn đồng).

11. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP HỒ SƠ DỰ TUYỂN

Hồ sơ đăng ký dự tuyển và thông tin liên quan mời liên hệ:

- Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học - Chuẩn đầu ra & PTNNL - Trường Đại học Tây Đô.

- Điện thoại: 0292.2473 995 – 0292.2460 402 (trong giờ hành chính).

0907 792 970 – 0931 012 090 (ngoài giờ hành chính).

- Địa chỉ: Số 68, Đường Trần Chiên (Lộ Hậu Thạnh Mỹ), P. Lê Bình, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.

- Website: www.tdu.edu.vn.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- UB, CQĐBSCL;
- HDQT, BGH (để báo cáo);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu VP. TC – HC, TT.CĐR.



Trần Hồng Luận

Cần Thơ, ngày 01 tháng 02 năm 2020

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC
TƯƠNG ỨNG VỚI CÁC NGÀNH ĐÚNG, GẦN VỚI CHUYÊN NGÀNH
DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ – NĂM 2020

I. CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Danh mục ngành đúng, gần chuyên ngành Quản trị kinh doanh	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1. Ngành đúng hoặc phù hợp: Quản trị kinh doanh quốc tế (ngoại thương), Kinh doanh dịch vụ - du lịch - lữ hành, Thương mại, Quản trị kinh doanh - Marketing, Quản trị Marketing...	Không	
2. Ngành gần: Kế toán, Kế toán doanh nghiệp, Kiểm toán, Tài chính - Tín dụng, Ngân hàng, Tài chính Doanh nghiệp, Kinh tế phát triển, Kế toán, Kế toán doanh nghiệp, Kiểm toán, Tài chính - Tín dụng, Ngân hàng, Tài chính Doanh nghiệp, Kinh tế phát triển, Kinh tế Nông nghiệp, Kinh tế Tài nguyên Môi trường.	1. Hành vi tổ chức 2. Quản trị Marketing 3. Quản trị học	2 2 2
3. Các ngành khác, ngoài khối ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh: Thí sinh tốt nghiệp đại học ở các ngành khác, ngoài khối ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh	1. Hành vi tổ chức 2. Quản trị Marketing 3. Quản trị học 4. Quản trị sản xuất 5. Quản trị nhân sự 6. Quản trị tài chính	2 2 2 2 2 2

II. CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Danh mục ngành đúng, gần chuyên ngành Tài chính ngân hàng	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1. Ngành đúng hoặc phù hợp: gồm các chuyên ngành thuộc ngành Kinh tế Tài chính – Ngân hàng, cụ thể chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng; Tài chính; Tài chính quốc tế; Tài chính doanh nghiệp; Đầu tư chứng khoán; Ngân hàng; Thị trường chứng khoán.	Không	

2. Ngành gần: Quản lý kinh tế, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Kế toán – Kiểm toán, Quản lý và phân tích thông tin kinh tế, Quản lý nguồn nhân lực, Thương mại quốc tế, Ngoại thương và Thẩm định giá.	1. Tiền tệ ngân hàng 2. Quản trị tài chính 3. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2 2 2
3. Các ngành khác, ngoài khối ngành Kinh tế, Tài chính ngân hàng: Thí sinh tốt nghiệp đại học ở các ngành khác, ngoài khối ngành Kinh tế, Tài chính ngân hàng.	1. Kinh tế vi mô 2. Kinh tế vĩ mô 3. Nguyên lý kế toán 4. Tiền tệ ngân hàng 5. Quản trị tài chính 6. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2 2 2 2 2 2

III. CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN

Danh mục ngành đúng, gần chuyên ngành Kế toán	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1. Ngành đúng hoặc phù hợp: Kế toán doanh nghiệp; Kế toán đơn vị sự nghiệp; Kế toán; Kiểm toán, ...	Không	
2. Ngành gần: Quản lý kinh tế; Kinh tế; Quản trị kinh doanh; Kinh doanh quốc tế; Quản lý và phân tích thông tin quốc tế; Quản lý nguồn nhân lực; Thương mại quốc tế; Ngoại thương và Thẩm định giá; Tài chính – Ngân hàng, ...	1. Kế toán tài chính 2. Kế toán quản trị 3. Kiểm toán căn bản	2 2 2
3. Các ngành khác, ngoài khối ngành Kinh tế, Kế toán – Kiểm toán: Thí sinh tốt nghiệp đại học ở các ngành khác, ngoài khối ngành Kinh tế, Kế toán – Kiểm toán.	1. Kế toán tài chính 2. Kế toán quản trị 3. Kiểm toán căn bản 4. Kinh tế học 5. Nguyên lý kế toán 6. Tổ chức hạch toán kế toán	2 2 2 2 2 2



Trần Hồng Quân

Cần Thơ, ngày 07 tháng 02 năm 2020

PHỤ LỤC II

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Theo Thông tư số: 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
TÂY ĐÔ
Trần Hồng Luận